



Mã số: 260313/0123:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu: **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC B**
- Địa chỉ: Đường số 05, Khu tái định cư Vĩnh Lộc B, xã Tân Vĩnh Lộc, TP. HCM.
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT10.260313	0313/NT/H-XVN-VLB/1: Nước thải tại hồ thu đầu vào (X: 1191431; Y: 589089)

5. Ngày lấy mẫu: 13/03/2026

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT10.260313	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,00	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	97	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	20,3	100
4	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	8,75	20
5	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	498	1.000
6	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	8,79	4
7	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	5,01	10
8	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,17	50
9	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	49,2	10
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	7,19	10
11	Tổng Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4x10 ³	5.000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo
P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP - Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



Mã số: 260313/0124:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu: **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC B**
- Địa chỉ: Đường số 05, Khu tái định cư Vĩnh Lộc B, xã Tân Vĩnh Lộc, TP. HCM.
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT11.260313	0313/NT/H-XVN-VLB/2: Sau HTXL nước thải (X: 1191470; Y: 589090)

5. Ngày lấy mẫu: 13/03/2026

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT11.260313	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,37	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	16	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5,0)	100
4	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	< 3,0	20
5	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	290	1.000
6	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
7	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	2,79	10
8	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	18,6	50
9	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	4,65	10
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	< 0,20	10
11	Tổng Coliform ^(c)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2,2x10 ³	5.000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu đo NTP – Vimecert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.